

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG

NĂM HỌC 2025-2026

Stt	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Điểm	Xếp giải
1	Lê Ánh Bảo Thi	12A04	Toán 12	16	Nhất
2	Lại Thế Dân	12A04	Toán 12	11,5	Nhì
3	Nguyễn Thành Tín	11A09	Toán 12	10,5	Ba
4	Nguyễn Hoàng Minh Dũng	12A04	Toán 12	10	KK
5	Ngô Hòa Phát	12A06	Toán 12	9	KK
6	Hoàng Nguyệt Duệ	12A08	Ngữ văn 12	12	Nhì
7	Hoàng Văn Ngọc	12A11	Ngữ văn 12	12	Nhì
8	Huỳnh Triệu Vy	12A08	Ngữ văn 12	11	Ba
9	Phạm Hồng Phương	12A08	Ngữ văn 12	11	Ba
10	Cao Quỳnh Nhi	12A02	Ngữ văn 12	9,5	KK
11	Lý Nguyễn Sỹ Luân	12A08	Ngữ văn 12	8	KK
12	Nguyễn Thị Kiều My	12A06	Ngữ văn 12	8	KK
13	Nguyễn Quỳnh Nhi	12A04	Tiếng Anh 12	15,2	Nhất
14	Hồ Nguyễn Hà Linh	11A05	Tiếng Anh 12	14	Nhì
15	Nguyễn Thanh Bảo	12A06	Tiếng Anh 12	12,6	Ba
16	Phạm Nữ Như Quỳnh	11A09	Tiếng Anh 12	12,2	KK
17	Lê Anh Hà My	12A02	Tiếng Anh 12	11,2	KK
18	Nguyễn Hoàng Vũ	12A06	Vật lý 12	13,5	Nhất
19	Phạm Thái Sơn	12A10	Lịch sử 12	12,5	Nhì
20	Thái Nguyễn Hoài An	12A09	Lịch sử 12	7,5	KK
21	Bùi Phạm Minh Nguyệt	12A04	Hóa 12	13,75	Nhất
22	Phan Thị Tài Nguyên	12A04	Hóa 12	11,25	Nhì
23	Huỳnh Tấn Dũng	12A09	Địa lí 12	12	Nhì
24	Hoàng Gia Linh	12A08	Địa lí 12	11,75	Nhì
25	Huỳnh Văn Tài	12A11	Địa lí 12	10	Ba
26	Nguyễn Đức Trung Nguyên	12A7	Tin học	11	Nhì
27	Bùi Tiến Quốc	11A05	Tiếng Anh 11	10	Ba
28	Trương Minh Trí	11A03	Tiếng Anh 11	9,9	Ba
29	Nguyễn Thị Kim Liên	11A05	Tiếng Anh 11	9	KK
30	Vũ Thị Thùy Dương	11A03	Tiếng Anh 11	8,2	KK
31	Cao Thị Xuân Giao	11A01	Tiếng Anh 11	8	KK
32	Lê Nguyễn Khánh Vy	11A05	Ngữ văn 11	12,75	Nhì
33	Trần Vũ Quốc Bảo	11A08	Ngữ văn 11	12,75	Nhì
34	Lại Thị Hoàng Dung	11A08	Ngữ văn 11	10	Ba
35	Lương Ngọc Anh Thư	11A08	Ngữ văn 11	10	Ba
36	Đặng Trần Thuỷ Tiên	11A08	Ngữ văn 11	8,75	KK
37	Trương Tuấn Anh	11A01	Toán 11	13,5	Nhất
38	Võ Đại Dũng	11A03	Toán 11	11,25	Nhì
39	Lý Dương Quốc Triệu	11A02	Toán 11	10,5	Ba
40	Nguyễn Đức Chuyên	11A02	Toán 11	9	KK
41	Phạm Thị Bảo Trâm	11A03	Vật lí 11	19,25	Nhất
42	Bùi Hoàng Luân	11A03	Vật lí 11	19	Nhất

43	Trịnh Võ Minh Kiệt	11A01	Vật lí 11	13,25	Nhì
44	Phạm Mạnh Hùng	11A03	Vật lí 11	11	Ba
45	Cao Minh Ngọc Quang	11A02	Vật lí 11	11	Ba
46	Đinh Nguyễn Anh Khoa	11A03	Vật lí 11	10,75	KK
47	Châu Ngọc Kỳ Dư	11A03	Vật lí 11	8,75	KK
48	Hoàng Thủy Tiên	11A09	Sinh học 11	17,5	Nhất
49	Nguyễn Thị Thu Huyền	11A09	Sinh học 11	12,75	Nhì
50	Võ Ngọc Khánh Vy	11A07	Địa lí 11	7,75	KK
51	Thân Thiên Dy	11A05	GDKTPL 11	10,25	Ba
52	Trương Anh Vũ	11A03	Hóa học 11	17,25	Nhất
53	Cao Ngọc Quỳnh Hân	11A02	Hóa học 11	11	Nhì
54	Tạ Thanh Tùng	11A07	Lịch sử 11	9,25	Ba
55	Võ Nguyễn Đức Duy	11A08	Lịch sử 11	7,75	KK
56	Nguyễn Phạm Minh Tú	10A05	Ngữ văn 10	12,5	Nhì
57	Trần Minh Thư	10A08	Ngữ văn 10	10	Ba
58	Vũ Nguyễn Anh Thư	10A02	Ngữ văn 10	8,5	KK
59	Phạm Phương Nhi	10A02	Ngữ văn 10	7,5	KK
60	Nguyễn Lê Minh Thụy	10A09	Ngữ văn 10	7,5	KK
61	Hồ Đình Luân	10A01	Toán 10	14,25	Nhất
62	Lê Đức Duy	10A02	Toán 10	13,5	Nhì
63	Đoàn Hà Khánh My	10A02	Toán 10	12	Ba
64	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10A05	Toán 10	12	Ba
65	Trương Hoàng Vũ	10A01	Toán 10	9,75	KK
66	Hà Minh Hiếu	10A01	Toán 10	9	KK
67	Nguyễn Thị Xuân Mai	10A01	Toán 10	9	KK
68	Nguyễn Võ Hoàng Long	10A02	Tiếng anh 10	13	Nhất
69	Hà Anh Tuấn	10A03	Tiếng anh 10	13	Nhất
70	Lê Châu Anh	10A01	Tiếng anh 10	11,2	Nhì
71	Lê Dương Thy	10A01	Tiếng anh 10	10,8	Ba
72	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10A02	Tiếng anh 10	9,4	KK
73	Lê Quang Hào	10A03	Tiếng anh 10	9,2	KK
74	Nguyễn Đình Anh Vũ	10A2	Tiếng anh 10	8	KK
75	Nguyễn Vũ Hoài Anh	10A04	Vật lí 10	12	Nhì
76	Đinh Hiếu Nhi	10A04	Vật lí 10	11	Ba
77	Trần Nguyễn Thái An	10A03	Vật lí 10	8	KK
78	Ngô Hoàng Gia Lâm	10A02	Vật lí 10	7	KK
79	Lê Minh Vũ	10A01	Hoá học 10	10,25	Ba
80	Trần Tuấn Khang	10A01	Hoá học 10	8,55	KK
81	Trần Văn Trí	10A04	Hóa học 10	8,5	KK
82	Trần Đỗ Bình Yên	10A02	Sinh học 10	9,75	Ba
83	Phan Thị Như Ngọc	10A09	GDKT&PL 10	8	KK
84	Nguyễn Võ Linh Tâm	10A08	Địa lí 10	13,25	Nhất
85	H' Gia Bạch Niê	10A07	Địa lí 10	9	Ba
86	Mông Mạnh Đức	10A04	Tin học 10	7	KK

Tổng số 86/163 giải, tỉ lệ 52,8%. Trong đó: 13 giải nhất, 19 giải nhì, 22 giải ba, 32 giải khuyến khích

Nguyên tắc xếp giải: Tính từ cao xuống thấp cho từng môn/khối để chọn 1 nhất, 1 nhì, 1 ba, 2 kk và thỏa mãn các điều kiện sau:

Giải nhất: Không dưới 13 điểm

Giải nhì: Không dưới 11 điểm

Giải ba: Không dưới 9 điểm

Giải khuyến khích: Không dưới 7 điểm

Các điểm bằng nhau hoặc chênh lệch không quá 0,25 được xếp cùng 1 giải(số giải mỗi môn/khối có thể nhiều hơn 5 giải)

Ea Đrăng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Chí

